TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 74/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà Phạm Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Dũng

2. Ông Nguyễn Đắc Liệt

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hương – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1994;
Địa chỉ cư trú: đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).
Bị đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1995;
Địa chỉ cư trú: xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn H trình bày:

Ông Nguyễn H và bà Lê Thị M sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện sống với nhau tại địa chỉ 261/5 đường Lê Hồng Phong, phường 8, thành phố Vũng Tàu và ngày 01/12/2014 tiến hành đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu , tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hôn nhân của ông và bà M hạnh phúc được thời gian, sau đó từ năm 2016 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông H là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Bà M không quan tâm, lo lắng cho gia. Mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được nên hai bên quyết định sống ly thân được khoảng 02 năm và trong thời gian này hai người ở hai địa chỉ khác nhau, không còn quan tâm

đến nhau. Ông H xác định, trong cuộc sống hôn nhân với bà M, ông cũng có lỗi do nóng tính không kiềm chế được bản thân nên mỗi khi cãi nhau ông hay đập phá đồ đạc trong nhà. Tại tòa, một lần nữa ông H xác định, không còn tình cảm với bà M nên yêu cầu được ly hôn với bà M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Hoàng Duy, sinh ngày 11/6/2015. Ông H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Duy và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư kí, HĐXX đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông H và bà M phát sinh mâu thuẫn và hiện nay đã ly thân, không cùng chung sống với nhau, ông H xác định không còn tình cảm với bà M. Bà M không đến Tòa làm việc nên chưa thể hiện thiện chí, chủ động và quyết tâm hàn gắn mối quan hệ vợ chồng đã rạn nứt, chia rẽ của mình, cũng không tham gia hòa giải để có sự động viên, tác động nhằm cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Nay ông H xác định tình cảm không còn, một mực xin ly hôn nên khả năng hàn gắn vợ chồng là không thể. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H; Về con chung: Ông H và bà M có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Hoàng Duy, sinh ngày 11/6/2015, để đảm bảo nuôi dạy chăm sóc con tốt nhất thì việc giao cháu Duy cho ông H nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế; Về tài sản chung, nợ chung, cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyễn H có đơn khởi kiện về "Ly hôn" với bà Lê Thị M, có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà M. Tại phiên tòa hôm nay, bà M mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của bà M không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ quy định pháp luật Tòa tiến hành giải quyết vắng mặt bà M.

[2]. Về hôn nhân: Xét ông H và bà M chung sống và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 01/12/2014, như vậy hôn nhân giữa ông H và bà M là hợp pháp.

Trong thời gian ông H và bà M chung sống với nhau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông H là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau và bà M không quan tâm, lo lắng cho gia đình.

Bà M vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa nên chưa thể hiện thiện chí, không tranh thủ sự tác động, động viên, hòa giải của Pháp luật để hàn gắn hôn nhân giữa bà và ông H. Bà M không tham gia tố tụng tại Tòa nên chưa thể hiện được nguyện vọng thiết tha muốn đoàn tụ của bà.

Cũng do bà M vắng mặt, để xem xét yêu cầu của ông H, Tòa đã tiến hành xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật. Kết quả biên bản xác minh tại địa phương cho thấy ông H và bà M trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, ông H và bà M đã ly thân khoảng 02 năm nay, hiện không sống chung với nhau nữa. Con chung giữa ông H và bà M hiện do ông ông H trực tiếp chăm sóc.

Nay ông H cương quyết ly hôn do không còn tình cảm với bà M nên khả năng đoàn tụ là rất khó khăn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của ông H có cơ sở để xem xét nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Ông H và bà M có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Hoàng Duy, sinh ngày 11/6/2015. Ông H có nguyện vọng tha thiết trực tiếp nuôi dưỡng cháu Duy và hiện nay ông H cũng có công việc ổn định, có thu nhập. Vì vậy, để đảm bảo nuôi dạy chăm sóc cháu Duy được tốt nhất thì việc giao cháu Duy cho ông H nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông H phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn H và bà Lê Thị M ly hôn.

2.Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Hoàng Duy, sinh ngày 11/6/2015 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà M có quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của các con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình,Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông H nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001229 ngày 02/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Ông H đã nộp xong án phí

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**